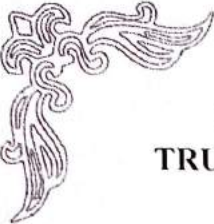


H1 - 1.1 - 01



Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh  
TRUNG TÂM GD&ĐT TỔNG HỢP VÀ HƯỚNG NGHIỆP  
PHÂN HIỆU THPT LÊ THỊ HỒNG GÁM

# KẾ HOẠCH

Chiến Lược Xây Dựng Và Phát Triển Nhà Trường  
Giai Đoạn 2021-2026



Số: 16-1 /KH-LTHG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021– 2025

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận 3 lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 như sau:

#### **A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **I. Tổng quan**

Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm tọa lạc tại Quận 3, được thành lập theo quyết định số 2327/QĐ-UB ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập phân hiệu Trung học phổ thông Lê Thị Hồng Gấm của Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Qua 18 năm xây dựng và phát triển, Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm đã trải qua chặng đường đầy khó khăn thử thách, song cũng có nhiều thuận lợi và đã đạt được nhiều thành công. Hiện nay, nhà trường đã và đang thể hiện sự phát triển bền vững, khẳng định vai trò, vị thế quan trọng trong sự nghiệp giáo dục của thành phố Hồ Chí Minh.

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 nhằm xác định rõ định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của hiệu trưởng, ban lãnh đạo cũng như toàn thể Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Việc xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của trường Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện tốt kế hoạch phát triển Giáo dục và đào tạo của nhà trường giai đoạn 2021-2025 theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế.

## II. Đặc điểm tình hình nhà trường

### 1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

| ĐỘI NGŨ CBQLGD, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN |          |          |           |                   |                         |       |          |    |    |    |      |            |           |
|--------------------------------------|----------|----------|-----------|-------------------|-------------------------|-------|----------|----|----|----|------|------------|-----------|
| Đội ngũ                              |          | Số lượng |           |                   | Yêu cầu của CTGDPT 2018 |       | Trình độ |    |    |    |      | Tỉ lệ (%)  |           |
|                                      |          | Hiện có  | Viên chức | Thỉnh giảng/ HĐLĐ | Thừa                    | Thiếu | > ĐH     | ĐH | CĐ | TC | Khác | Trên chuẩn | Đạt chuẩn |
| I. Cán bộ quản lý giáo dục           |          | 3        | 3         | 0                 | 0                       | 0     | 3        | 0  | 0  | 0  | 0    | 100        |           |
| II. Giáo viên                        |          | 45       | 40        | 5                 | 0                       | 13    | 14       | 31 | 0  | 0  | 0    | 31         | 69        |
| Ngữ văn                              |          | 6        | 5         | 1                 | 0                       | 1     | 1        | 5  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Toán                                 |          | 6        | 6         | 0                 | 0                       | 0     | 4        | 2  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Ngoại ngữ 1                          |          | 5        | 5         | 0                 | 0                       | 1     | 2        | 3  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Giáo dục thể chất                    |          | 4        | 4         | 0                 | 0                       | 0     | 2        | 2  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| GD an ninh và quốc phòng             |          | 1        | 1         | 0                 | 0                       | 1     | 0        | 1  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Nhóm môn KHXH                        | KT&PL    | 2        | 2         | 0                 | 0                       | 0     | 1        | 1  | 0  | 0  | 0    |            |           |
|                                      | Lịch sử  | 3        | 2         | 1                 | 0                       | 1     | 0        | 3  | 0  | 0  | 0    |            |           |
|                                      | Địa lý   | 3        | 2         | 1                 | 0                       | 1     | 0        | 3  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Nhóm môn KHTN                        | Vật lý   | 5        | 5         | 0                 | 0                       | 0     | 2        | 3  | 0  | 0  | 0    |            |           |
|                                      | Hóa học  | 5        | 5         | 0                 | 0                       | 0     | 1        | 4  | 0  | 0  | 0    |            |           |
|                                      | Sinh học | 3        | 1         | 2                 | 0                       | 2     | 1        | 2  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Công nghệ                            |          | 0        | 0         | 0                 | 0                       | 2     | 0        | 0  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Âm nhạc                              |          | 0        | 0         | 0                 | 0                       | 1     | 0        | 0  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Mỹ thuật                             |          | 0        | 0         | 0                 | 0                       | 1     | 0        | 0  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Tin học                              |          | 2        | 2         | 0                 | 0                       | 1     | 0        | 2  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Tiếng dân tộc thiểu số/ Ngoại ngữ 2  |          | 0        | 0         | 0                 | 0                       | 1     | 0        | 0  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| III. Nhân viên                       |          | 16       | 4         | 12                | 2                       | 4     | 0        | 2  | 1  | 5  | 8    |            |           |

| ĐỘI NGŨ CBQLGD, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN |          |           |                  |                         |       |          |    |    |    |      |            |           |
|--------------------------------------|----------|-----------|------------------|-------------------------|-------|----------|----|----|----|------|------------|-----------|
| Đội ngũ                              | Số lượng |           |                  | Yêu cầu của CTGDPT 2018 |       | Trình độ |    |    |    |      | Tỉ lệ (%)  |           |
|                                      | Hiện có  | Viên chức | Thỉnh giảng/HĐLĐ | Thừa                    | Thiếu | > ĐH     | ĐH | CĐ | TC | Khác | Trên chuẩn | Đạt chuẩn |
| Nhân viên thư viện; thủ quỹ          | 1        | 1         | 0                | 0                       | 0     | 0        | 0  | 0  | 1  | 0    |            |           |
| Nhân viên cơ sở vật chất             | 3        | 1         | 2                | 0                       | 0     | 0        | 0  | 0  | 0  | 3    |            |           |
| Nhân viên công nghệ thông tin        | 0        | 0         | 0                | 0                       | 1     | 0        | 0  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Nhân viên văn thư                    | 1        | 0         | 1                | 0                       | 1     | 0        | 0  | 0  | 1  | 0    |            |           |
| Nhân viên kế toán                    | 1        | 0         | 1                | 0                       | 1     | 0        | 1  | 0  | 0  | 0    |            |           |
| Nhân viên y tế                       | 1        | 0         | 1                | 0                       | 1     | 0        | 0  | 0  | 1  | 0    |            |           |
| Nhân viên giáo vụ; giám thị          | 4        | 2         | 2                | 2                       | 0     | 0        | 1  | 1  | 2  | 0    |            |           |
| Nhân viên bảo vệ; phục vụ            | 5        | 0         | 5                | 0                       | 0     | 0        | 0  | 0  | 0  | 5    |            |           |

## 2. Học sinh, chất lượng đào tạo

| BẢNG THỐNG KÊ THÀNH TÍCH HỌC SINH<br>Từ năm 2016 đến 2021 |                   |                   |                   |                   |                   |
|-----------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Số liệu                                                   | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 |
| Tổng số học sinh                                          | 1035              | 1011              | 1020              | 981               | 1001              |
| Kết quả lên lớp                                           | 97,89%            | 98,96%            | 98,84%            | 99,03%            | 94,81%            |
| Kết quả tốt nghiệp                                        | 98,38%            | 98,38%            | 91,04%            | 99,34%            | 99,72%            |
| Hạnh kiểm khá, tốt                                        | 91,29%            | 90,80%            | 91,38%            | 93,89%            | 91,43%            |
| Học lực khá, giỏi                                         | 52,57%            | 43,91%            | 53,08%            | 55,25%            | 61,12%            |
| Hiệu suất đào tạo                                         | 97,3%             | 97,42%            | 98,14%            | 98,48%            | 97,9%             |

### 3. Cơ sở vật chất

| <b>CƠ SỞ VẬT CHẤT- TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC</b> |                 |                                                                                              |
|-----------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chỉ danh</b>                               | <b>Số lượng</b> | <b>Diện tích/Quy cách kỹ thuật/Công năng</b>                                                 |
| Phòng thí nghiệm Lý-Hóa                       | 01              | 50m <sup>2</sup> /phòng. Có khu vực chuẩn bị thực hành Lý-Hóa 30m <sup>2</sup>               |
| Phòng vi tính                                 | 02              | 50m <sup>2</sup> /phòng                                                                      |
| Thư viện                                      | 01              | 50m <sup>2</sup>                                                                             |
| Hội trường                                    | 02              | 290m <sup>2</sup> /2 cửa ra vào/300 chỗ ngồi<br>123m <sup>2</sup> /2 cửa ra vào/100 chỗ ngồi |
| Phòng họp bộ môn                              | 01              | 30m <sup>2</sup> /phòng/dùng chung các bộ môn                                                |
| Phòng giáo viên                               | 01              | 80m <sup>2</sup> /60 chỗ ngồi                                                                |
| Phòng học                                     | 26              | 56m <sup>2</sup> /phòng/trang bị 2 máy lạnh                                                  |
| Phòng truyền thống                            | 01              | 45m <sup>2</sup> /phòng                                                                      |
| Văn phòng Đoàn                                | 01              | 30m <sup>2</sup> /phòng                                                                      |

### 4. Thành tích

| <b>Tập thể</b>       | <b>Năm học 2016-2017</b> | <b>Năm học 2017-2018</b> | <b>Năm học 2018-2019</b> | <b>Năm học 2019-2020</b> | <b>Năm học 2020-2021</b> |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Chi bộ</b>        | Trong sạch vững mạnh     | Trong sạch vững mạnh     | Trong sạch vững mạnh     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ  | Đang chờ xét             |
| <b>Công Đoàn</b>     | Vững mạnh, xuất sắc      | Vững mạnh, xuất sắc      | Vững mạnh, xuất sắc      | Vững mạnh, xuất sắc      | Hoàn thành tốt           |
| <b>Đoàn TNCS HCM</b> | Xuất sắc                 | Xuất sắc                 | Xuất sắc                 | Xuất sắc                 | Xuất sắc                 |
| <b>TRƯỜNG</b>        | Tiên tiến                | Xuất sắc                 | Xuất sắc                 | Tiên tiến                | Xuất sắc                 |

## III. Môi trường bên trong

### 1. Điểm mạnh

Đội ngũ Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên nhà trường: 64, trong đó: cán bộ quản lý giáo dục: 03 ; Giáo viên: 45; Nhân viên: 16 người. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên: 100% đạt chuẩn, trong đó có: 17 thạc sĩ (17/48, chiếm 35,4% trên chuẩn); có năng lực và trình độ chuyên môn vững vàng, có ý thức trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, không ngừng nâng cao trình độ.

Đội ngũ giáo viên: được đào tạo chính quy, có nhiều giáo viên lớn tuổi, giàu kinh nghiệm giảng dạy và quản lý học sinh. Đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình,

năng động, có năng lực chuyên môn tốt, thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Tập thể thầy cô giáo có tính thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác, tận tụy với học sinh, yêu nghề, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm, tay nghề, chủ động, sáng tạo, gắn bó với nhà trường, luôn phát huy những truyền thống tốt đẹp của trường để tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường ngày một đi lên.

Đội ngũ nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, có tay nghề vững, gắn bó với nhà trường và mong muốn nhà trường phát triển.

Cơ sở vật chất: đủ đáp ứng được nhu cầu cơ bản cho hoạt động giảng dạy, học tập.

Các tổ chức đoàn thể: Chi bộ định hướng nhiệm vụ trong tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức đoàn thể hoạt động; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong đội ngũ, góp phần nâng cao về mặt nhận thức của tập thể Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh. Công đoàn phối hợp với chính quyền làm tốt công tác thi đua, chăm lo đời sống, phát huy được quyền làm chủ của người lao động. Đoàn thanh niên với nhiều chương trình thiết thực, tạo được sân chơi lành mạnh và thu hút đoàn viên thanh niên tham gia. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiều hoạt động thiết thực hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

## **2. Điểm yếu**

Đội ngũ giáo viên, nhân viên: Một bộ phận nhỏ giáo viên còn chậm trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, quản lý, giáo dục học sinh theo xu hướng giáo dục trong thời đại hiện nay. Một số giáo viên trẻ chưa phát huy được vai trò tiên phong, xung kích trong những hoạt động chung của trường; Vẫn còn thiếu giáo viên cơ hữu các bộ môn: Công nghệ, Sinh học, Lịch sử, Địa lý

Chất lượng học sinh: Đầu vào học sinh thấp, địa bàn dân cư phức tạp. Nhiều em còn lười học, học sinh có phương pháp học chưa khoa học, còn ở lại, chưa chủ động trong việc tiếp thu, lĩnh hội tri thức; nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên phải lo kiếm sống nên ít có sự quan tâm đến con em.

Cơ sở vật chất: Chưa đồng bộ và hiện đại; phương tiện, thiết bị, dụng cụ phục vụ dạy và học còn cũ và thiếu. Không có bãi tập, sân chơi cho học sinh do diện tích chật hẹp

Các đoàn thể: Đa số kiêm nhiệm nhiều công tác nên gặp khó khăn về thời gian, ảnh hưởng đến chất lượng công việc được giao.

## **IV. Môi trường bên ngoài**

### **1. Cơ hội**

- Được sự chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; sự quan tâm của chính quyền địa phương.

- Cơ chế chính sách và thể chế quản lý giáo dục đã có sự thay đổi giúp nhà trường tự chủ trong công tác.

- Nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa làm tăng nhu cầu học tập.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh cho phép giáo viên có điều kiện tiếp cận và thụ hưởng các phương tiện, phương pháp dạy học hiện đại, tiên tiến.

- Được phụ huynh và học sinh tin nhiệm, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tổ chức hoạt động giáo dục học sinh.

## **2. Thách thức**

- Nguy cơ tụt hậu trước những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ mới.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên.

- Tình hình suy thoái kinh tế thế giới và khu vực ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế nước ta, thu nhập của các gia đình không ổn định hoặc giảm sút, làm giảm số lượng học sinh.

## **V. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục giai đoạn 2016 - 2020**

### **1. Mặt đạt được – Nguyên nhân khách quan, chủ quan**

- Được sự quan tâm chỉ đạo của ngành, địa phương

- Tập thể Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vì sự phát triển của nhà trường.

- Tranh thủ được sự giúp đỡ của cấp trên và các lực lượng xã hội khác.

- Nề nếp – kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy

### **2. Mặt chưa đạt được – Nguyên nhân khách quan, chủ quan**

- Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều

- Chất lượng học sinh giỏi của các bộ môn còn thấp so với mặt bằng chung trên địa bàn Quận 3

### **3. Các vấn đề ưu tiên cần giải quyết**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực của mỗi học sinh; tăng cường các tổ chức hoạt động tập thể, giáo dục kỹ năng sống trong chương trình giáo dục trải nghiệm sáng tạo.

- Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hoá với quy hoạch hợp lý và mua sắm mới trang thiết bị hiện đại để đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Duy trì và phát huy cảnh quan nhà trường khang trang - sạch - đẹp, tạo dựng môi trường an toàn và thân thiện.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học và công tác quản lý.

- Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá các hoạt động của nhà trường về công tác quản lý về giảng dạy của giáo viên...

- Xây dựng, củng cố và duy trì một môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn;

## **B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC**

### **Tầm nhìn**

Xây dựng, củng cố và duy trì một môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; Là môi trường giúp mỗi Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo.

### **Sứ mạng**

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục học sinh sống có lý tưởng, trau dồi nhân cách, rèn luyện sức khỏe, học tập sáng tạo.

### **Hệ thống giá trị cơ bản, cốt lõi**

Yêu nước, Đoàn kết, Nhân ái, Sáng tạo, Trung thực, Khát vọng vươn lên

### **Phương châm hành động**

“Chất lượng giáo dục là uy tín và danh dự của nhà trường”

## **C. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP**

### **I. Mục tiêu chung**

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao của thành phố, là mô hình giáo dục toàn diện tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực.

### **II. Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2025, là một trong những trường có chất lượng giáo dục toàn diện cao của thành phố;

- Xây dựng trường đạt chuẩn về điều kiện cơ sở vật chất theo qui định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

### **III. Chỉ tiêu phấn đấu trong giai đoạn chiến lược**

#### **1. Chỉ tiêu danh hiệu thi đua tập thể**

Danh hiệu thi đua tập thể: Tập thể Lao động xuất sắc.

#### **2. Chỉ tiêu về danh hiệu thi đua Đoàn thể**

- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Chi đoàn: Xuất sắc

#### **3. Chỉ tiêu về thi đua học tập**

- Duy trì sĩ số: 97%
- Hiệu suất đào tạo: 97 %

- Lên lớp thẳng: 98%
- Học lực: Giỏi 15%, Khá 50%, TB 34%, Yếu 1%
- Hạnh kiểm: Tốt 60%, Khá 35%
- Tốt nghiệp THPT: 97%
- Không có học sinh lưu ban;
- Tỷ lệ học sinh đậu Đại học, Cao đẳng trên 70%;

#### **4. Chỉ tiêu thi đua khác**

- Có quy mô học sinh ổn định trên 1200 học sinh;
- Thư viện : Đạt chuẩn
- Kiểm định CLGD : Đạt Cấp độ 1

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC**

#### **1. Chính sách tổ chức**

a) Hoàn thiện các quy chế, quy định của nhà trường

+ Tiếp tục hoàn thiện Quy chế làm việc nhằm tạo sự chuyển biến trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục, chấn chỉnh việc thực hiện nền nếp theo yêu cầu giáo dục, công tác tổ chức, điều hành các hoạt động của nhà trường đi vào nền nếp, khuôn khổ theo yêu cầu Điều lệ của trường trung học phổ thông.

+ Xây dựng Quy chế phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

b) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường hợp lý

+ Căn cứ Điều lệ trường Trung học phổ thông, Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV, yêu cầu của chương trình GDPT 2018, đơn vị xác định định mức lao động theo quy định.

+ Có sự phân công cụ thể rõ ràng về chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ giữa các bộ phận nhằm thúc đẩy bộ máy hoạt động nhịp nhàng, không trùng lặp chồng chéo.

+ Xuất phát từ những chức năng, nhiệm vụ của nhà trường được giao mà xác định quy mô các bộ phận thực hiện.

+ Hoàn thiện quy chế làm việc, trong đó quy định chi tiết mối quan hệ phối hợp giữa các cá nhân, bộ phận, đoàn thể.

+ Bầu chọn người vào các chức danh chủ chốt của từng bộ phận đoàn thể phải là người có năng lực, am hiểu và tâm huyết với nhiệm vụ được giao. Biết tổ chức, quản lý điều hành hoạt động trong lĩnh vực được giao. Biết phối kết hợp với các bộ phận khác.

+ Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn tương xứng trách nhiệm cho mỗi cá nhân.

## **2. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh**

a) Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch dạy học, phân phối chương trình chi tiết theo đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp theo hướng thực hiện các mục tiêu cụ thể: bồi dưỡng học sinh giỏi, phát triển năng lực cá nhân của học sinh.

b) Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, biến quá trình học tập thụ động thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên.

Các giải pháp cụ thể thực hiện đổi mới phương pháp dạy học:

\* Dạy trọng tâm, sinh động, dễ hiểu; nội dung bài dạy đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, khoa học.

\* Giảm giờ giảng lý thuyết trên lớp, tăng cường giờ tự học, tự nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành.

\* Tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm, tăng khả năng hợp tác, biết phát huy trí tuệ tập thể.

\* Xây dựng môi trường học tập thân thiện, học sinh được khuyến khích, động viên, cảm thông, chia sẻ, được bày tỏ ý kiến riêng của mình.

\* Khuyến khích giáo viên thao giảng, dự giờ trao đổi chuyên môn giữa thành viên tổ, cụm chuyên môn.

\* Các tổ chuyên môn biên soạn đề cương hướng dẫn ôn tập và tài liệu hỗ trợ giảng dạy nhằm thống nhất cao về trọng tâm mỗi bài, liều lượng và các nội dung cần luyện tập.

\* Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phương tiện trực quan, nghe nhìn một cách hợp lý, hiệu quả trong dạy học.

Đến năm 2025, 100% giáo viên đều ứng dụng công nghệ cao vào việc giảng dạy và chuyển quá trình truyền thụ kiến thức thành dạy học sinh cách học một cách khoa học và sáng tạo.

c) Tích cực đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm hướng tới phát triển năng lực của học sinh; yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, giảm việc ghi nhớ máy móc. Kiểm tra đánh giá để giúp đỡ học sinh cải tiến cách học hiệu quả hơn.

d) Nâng cao chất lượng giáo dục, không còn học sinh lưu ban, số học sinh khá-giỏi: > 70%.

## **3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ**

a) Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025.

b) Tạo điều kiện cho Cán bộ quản lý giáo dục quản lý, tổ trưởng chuyên môn, người đứng đầu các tổ chức, phòng ban trong trường tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, học nâng cao trình độ.

c) Xây dựng lực lượng quản lý có phẩm chất chính trị tốt, đoàn kết, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

d) Xây dựng bộ máy và cơ chế quản lý tinh giản, hiệu quả, thông suốt.

e) Nâng cao năng lực đội ngũ Cán bộ quản lý giáo dục quản lý, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ trưởng chuyên môn và các đoàn thể, phát huy tính chủ động, sáng tạo của mọi thành viên để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

f) Giao các tổ chuyên môn tổ chức xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên thiết thực với từng bộ môn vào từng thời điểm thích hợp. Xây dựng và thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

g) Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để đội ngũ học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ.

h) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của trường trên cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân. Tăng cường khả năng tham mưu, sự phối hợp đồng bộ của các bộ phận.

i) Tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp. Kết hợp chuẩn nghề nghiệp giáo viên và các văn bản về thi đua khen thưởng để xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên căn cứ trên cơ sở đó đánh giá và phân loại đội ngũ một cách sát thực để có chính sách khen thưởng, sử dụng và thay thế phù hợp.

j) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các qui định quản lý về chuyên môn, tổ chức, cơ sở vật chất và các công việc liên quan tới các hoạt động của trường.

k) Thực hiện tốt công tác quy hoạch Cán bộ quản lý giáo dục quản lý kế cận. Đến năm 2025, có 100% Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn theo các quy định của ngành, trong đó có 40% Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên có trình độ trên chuẩn.

l) Các thành viên Ban giám hiệu đạt chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên; 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

#### **4. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học theo hướng đa dạng hóa và hiện đại hóa**

a) Tham mưu với các cấp lãnh đạo trong việc xây dựng và cải tạo trường. Sắp xếp lại các phòng học, các phòng chức năng phù hợp với từng thời điểm.

b) Lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị hiện đại theo từng mốc thời gian cụ thể theo hướng đầu tư trang thiết bị trọng điểm, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, không hiệu quả.

c) Nâng cấp phòng học bộ môn, nhà vệ sinh ...Quy hoạch hệ thống mảng cây xanh của trường. Tiếp tục duy trì ngôi trường có cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh, hiện đại.

d) Định hướng xây dựng trường học thông minh trong giai đoạn 2021-2025, xây dựng thư viện tiên tiến, hiện đại.

### **5. Nâng cao chất lượng quản lý toàn diện nhà trường bằng công nghệ thông tin**

a) Áp dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý toàn diện nhà trường: Dùng các phần mềm theo quy định của ngành trong việc thu học phí, công tác tổ chức, quản lý điểm số học sinh, công tác tài chính, công tác khảo thí, tuyển sinh, cổng thông tin điện tử,...

b) Thiết lập và hoàn chỉnh trang Web của trường, thực hiện thông tin chính thức đến xã hội, cha mẹ học sinh và học sinh.

c) Phát huy tốt năng lực của Tổ tin học trong vai trò là đầu tàu để hỗ trợ cho các tổ chuyên môn trong việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc giảng dạy có hiệu quả, sáng tạo; từng bước tiến đến việc hướng dẫn học sinh dùng công nghệ thông tin để tra cứu tài liệu phục vụ cho việc học tập.

Đến năm 2025, quản lý toàn diện nhà trường toàn diện bằng công nghệ thông tin.

### **6. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục**

a) Chất lượng là mục tiêu hàng đầu của nhà trường, nên cần tập trung trí tuệ để thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục trong điều kiện nguồn ngân sách còn hạn hẹp.

b) Việc tận dụng các kinh nghiệm và mô hình giáo dục của các nước tiên tiến, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện tiết kiệm, chống tiêu cực trong giáo dục, trọng dụng nhân tài tham gia giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học... là những giải pháp cần được chú trọng nhằm sử dụng tối ưu các nguồn đầu tư và hỗ trợ để nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Từ chất lượng giáo dục được phát triển bền vững, tích cực huy động các nguồn lực tài chính từ địa phương, hội khuyến học, các tổ chức giáo dục liên kết, các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, cựu học sinh ...

d) Phát huy hiệu quả và mở rộng mối quan hệ giữa nhà trường với các trường bạn trong học tập, trao đổi kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý.

e) Khuyến khích cá nhân và tổ chức chính trị xã hội trong trường thiết lập các mối liên kết có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân bên ngoài phục vụ nhiệm vụ dạy và học của trường.

f) Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường:

+ Nguồn lực tài chính:

- Ngân sách nhà nước.
- Ngoài ngân sách: các tổ chức XH, các doanh nghiệp, cha mẹ học sinh.

+ Nguồn lực vật chất:

- Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ.
- Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy học.

### **7. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế**

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc giám sát và đánh giá giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn.

b) Phối hợp tốt với Cha Mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong việc đồng thuận, ủng hộ và cùng với nhà trường thực hiện các nguyên lý giáo dục.

c) Tạo mối liên kết gắn bó nhà trường - gia đình - địa phương - các nhà tài trợ trong các mặt:

\* Giáo dục học sinh lòng yêu nước, tôn trọng pháp luật, hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng thầy cô, quý mến bạn bè.

\* Giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

\* Vận động các nguồn quỹ trao tặng học bổng cho học sinh khó khăn.

\* Xây dựng và phát huy tác dụng của Quỹ Khuyến học, Quỹ khen thưởng.

\* Báo cáo, tư vấn, kỹ năng sống, báo cáo các đề tài nghiên cứu khoa học.

\* Tài trợ cho các mặt hoạt động của trường.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Chiến lược phát triển Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm trong giai đoạn 2021–2026 được toàn trường góp ý và điều chỉnh bổ sung hàng năm. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch năm học phải căn cứ vào kế hoạch chiến lược, các hoạt động trong trường, hoạt động của từng cá nhân đều nhằm đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra.

2. Lộ trình thực hiện:

a) Giai đoạn 1: Từ năm học 2021-2022 đến hết năm học 2022-2023

Tập trung vào một số trọng điểm:

\* Đạt kiểm định chất lượng giáo dục (đạt mức 1)

\* Thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030” năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 tại đơn vị theo Kế hoạch số 2619/KH-SGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp. Hồ Chí Minh

\* Bắt đầu thực hiện đổi mới toàn diện, thực hiện giảng dạy và học tập thành công theo chương trình giáo dục 2018 theo chỉ đạo của ngành.

\* Triển khai thực hiện Đề án “nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030” theo Quyết định 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2021.

\* Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 3/7/2020 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của TPHCM

\* Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học. Chấn chỉnh nền nếp và kỉ cương trong các hoạt động giáo dục để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, cải cách hành chính triệt để trong công tác quản lý.

\* Cải tạo cơ sở vật chất hoàn chỉnh.

\* Hoàn thành việc thực hiện chương trình giảng dạy phân ban. Nâng cao chất lượng và số lượng học sinh giỏi, học sinh đậu vào Đại học - Cao đẳng.

\* Thực hiện kế hoạch 1038/KH-GDĐT-CTTT ngày 02 tháng 04 năm 2019 về triển khai Quyết định 1076/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án “Tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”

\* Thực hiện kế hoạch 1108/KH-GDĐT-CTTT ngày 15 tháng 04 năm 2020 về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2020 - 2025” của ngành Giáo dục và Đào tạo”.

\* Kế hoạch số 3035/KH-SGDĐT-CTTT ngày 27 tháng 8 năm 2019 về thực hiện Đề án “Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng đến năm 2025” trên địa bàn thành phố.

b) Giai đoạn 2: Từ năm học 2023-2024 đến hết năm học 2024 - 2025

Tập trung toàn lực để hoàn thành mục tiêu chiến lược với hiệu quả cao.

Trong mỗi giai đoạn sẽ tiến hành đánh giá sơ kết những kết quả đạt được, những hạn chế, rút kết kinh nghiệm, điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp với thực tế và triển khai các kế hoạch cụ thể cho giai đoạn tiếp theo.

**DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**



**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**Phó Giám Đốc**

**Nguyễn Bảo Quốc**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Quốc Phong**